

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2018/DS-ST
Ngày: 10 - 4 - 2018
“Đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA – TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hoàng;
2. Ông Lý Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Ý, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa: Ông Nguyễn Văn Còn – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 423/2017/TLST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2017 về việc “Đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hà Thị Huyền C, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L.

2. *Bị đơn:* Chị Huỳnh Thị Bích H, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, chị Hà Thị Huyền C trình bày: Do là bạn bè quen biết nên vào tháng 02/2017 chị có cho chị Huỳnh Thị Bích H mượn số tiền 2.000.000 đồng, không tính lãi suất và chị H hẹn thời gian trả là 01 tháng. Đầu tháng 03/2017, chị H mượn tiếp số tiền 13.000.000 đồng và hẹn 10 ngày sau sẽ trả. Tất cả hai lần mượn tiền, chị H đều có viết giấy mượn tiền, đồng thời chị H có giao cho chị giữ một giấy chứng minh nhân dân tên chị H.

Do chị H không trả tiền theo thỏa thuận nên ngày 17/3/2017, chị có gặp chị H ở nhà trọ thuộc khu vực xã Đ để đòi, chị H không trả tiền mà viết lại giấy mượn tiền tổng cộng là 15.000.000 đồng và hẹn lại 03 tháng sau (ngày

17/6/2017) sẽ trả nên chị trả lại cho chị H 02 giấy mượn tiền trước đó và giấy chứng minh nhân dân cho chị H. Mặc dù vậy, chị H vẫn không trả nên chị yêu cầu chị H trả cho chị số tiền gốc là 15.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi.

Chị Huỳnh Thị Bích H trình bày: Chị với chị Hà Thị Thuyền N (chị ruột của Huyền C) là bạn bè quen biết. Do chị N có chồng ở Trung Quốc nên chị N mai mối giới thiệu cho chị làm thủ tục sang Trung Quốc để kết hôn.

Lúc đầu chị đồng ý đi nên chị có giao cho chị N 01 hộ chiếu và giấy chứng minh nhân dân để chị N đứng ra làm thủ tục xuất cảnh cho chị. Vì không có tiền nên chị N bỏ ra toàn bộ chi phí làm thủ tục và thỏa thuận khi nào chị được sang Trung Quốc, chị sẽ nhận được tiền 40.000.000 đồng thì chị N sẽ trừ lại tiền chi phí làm thủ tục xuất cảnh, số tiền còn lại thì chị N sẽ giao cho chị để gửi về cho gia đình chị ở quê.

Vào ngày 28/02/2017, chị N báo với chị thủ tục xuất cảnh đã xong và 03 ngày sau sẽ sang Trung Quốc nên chị N cho chị mượn số tiền 2.000.000 đồng để mua sắm tư trang cá nhân. Sau khi nhận tiền, chị N bảo chị viết giấy mượn tiền nhưng thông tin người cho mượn tiền là chị Hà Thị Huyền C.

Tuy nhiên đến ngày đi thì chị đổi ý không đi mà đến tạm trú tại nhà trọ T thuộc khu vực xã Đ. Chị Huyền C biết được nên cùng với một số thanh niên tìm đến nhà trọ để gây áp lực đòi chị trả số tiền 15.000.000 đồng gọi là chi phí chị N đã lo cho chị đi nước ngoài. Chị không đồng ý trả thì chị C dùng nhiều lời lẽ, đưa ra giấy mượn tiền do Bảo Q (em của chị) nói rằng có Bảo Q làm chứng chị có mượn tiền của Huyền C nên gây áp lực buộc chị ký giấy mượn tiền với số tiền 15.000.000 đồng. Do có nhiều người đi cùng với chị C, dùng nhiều lời lẽ đe dọa đến sức khỏe, tính mạng và đòi lấy xe của chị nên buộc chị phải ký giấy mượn tiền theo yêu cầu của chị C là 15.000.000 đồng. Sau khi ký xong, chị đến Công an xã Đ trình báo sự việc.

Thực tế chị không quen biết với chị Huyền C và cũng không hề có mượn tiền của chị C mà chị xác định chỉ mượn chị N 2.000.000 đồng tiền mặt chứ chị không có mượn chị C số tiền nào. Vì vậy yêu cầu của chị C đòi chị trả 15.000.000 đồng chị không đồng ý.

Tại phiên tòa, chị C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đòi chị H trả 15.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi suất. Đối với chị H không đồng ý trả cho chị C số tiền nào.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa phát biểu việc kiểm sát tuân theo pháp luật của Tòa án và quan điểm giải quyết vụ án: Về tố tụng, từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị Huyền C, buộc chị Huỳnh Thị Bích H phải trả cho chị C 2.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Hà Thị Huyền C đòi chị Huỳnh Thị Bích H trả tiền cho mượn là thuộc quan hệ tranh chấp “Đòi tài sản”; chị H là bị đơn có địa chỉ tại ấp Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Chị Huỳnh Thị Bích H thừa nhận giấy mượn tiền mà chị Hà Thị Huyền C cung cấp là do chị viết nhưng cho rằng đó là sự gây áp lực, ép buộc của chị C nên chị mới ký chứ thực tế chị không có mượn tiền của chị C mà số tiền này là do chị N (Chị của Huyền C) bỏ ra chi phí lo thủ tục môi giới cho chị đi sang Trung Quốc để kết hôn nên sau khi ký xong giấy mượn tiền, chị đã trình báo sự việc bị áp lực với Công an xã Đ.

Theo biên bản xác minh ngày 25/12/2017, anh Mai Hữu T là Công an viên xã cung cấp thông tin ngày 17/3/2017, anh có trực tiếp nhận đơn của chị Huỳnh Thị Bích H tố cáo chị Hà Thị Huyền C cùng một số thanh niên đến nhà trọ T đe dọa và ép buộc chị ký giấy nợ số tiền 15.000.000 đồng, trong khi chị không có mượn tiền của chị C, Công an xã có mời hai bên đến nhưng hai bên đến không đúng thời gian nên không giải quyết được.

Theo lời trình bày của anh Huỳnh Bảo Q thì việc chị H có nợ tiền chị C hay không thì anh không biết nhưng do bạn trai của chị H đánh anh Q bị xây sát nhưng chị H không đưa anh vào bệnh viện mà chị C lại đưa anh vào bệnh viện điều trị nên anh hờn ghét chị H, do đó khi chị C yêu cầu anh làm chứng chị H có nợ tiền của chị C thì anh mới ghi vào giấy theo nội dung chị C đọc rồi chị C giữ giấy chứ anh cũng không có mượn tiền gì của chị C.

Tại biên bản đối chất giữa chị C với chị H ngày 26/3/2018 thể hiện:

+ Chị C thừa nhận có nhờ Bảo Q viết giấy làm chứng chị H nợ tiền chị 15.000.000 đồng và sau khi chị H ký xong giấy nợ tiền chị 15.000.000 đồng thì chị trả giấy Bảo Q đã ký cho chị H cùng với giấy nợ 2.000.000 đồng và giấy nợ 13.000.000 đồng mà chị H đã ký trước đó nhưng chị H lại không thừa nhận chị có ký giấy nợ 13.000.000 đồng.

+ Chị C xác định giấy mượn tiền do Bảo Q ký nợ chị C 15.000.000 đồng (Chị C cho rằng Bảo Q làm chứng chị H nợ) là trước khi chị H ký giấy mượn tiền 15.000.000 đồng. Chị H cũng xác định như chị C trình bày.

Xét thấy, về chứng cứ do chị C cung cấp thì giấy mượn tiền 2.000.000 đồng chị H thừa nhận do chị ký và có nhận tiền và mặc dù chị H trình bày là nhận tiền của chị N nhưng do chị H ký mượn tiền với chị C nên buộc chị H phải trả cho chị C số tiền 2.000.000 đồng.

Đối với giấy mượn tiền 15.000.000 đồng, chị C cho rằng chị H ký gộp lại từ giấy 2.000.000 đồng và giấy 13.000.000 đồng nhưng chị H không thừa nhận có giấy 13.000.000 đồng. Chị C không cung cấp được giấy nợ 13.000.000 đồng,

trong khi đó chị H có trình báo sự việc sau khi bị ép buộc được Công an xã Đ xác nhận.

Mặt khác theo chị H trình bày, trước khi chị ký giấy nợ 15.000.000 đồng, chị đã từ chối nhưng chị C đưa ra giấy nợ do Bảo Q ký nói rằng có Q làm chứng và sau khi ký xong, chị C cũng không đưa giấy đó cho chị mà còn đe dọa nếu chị không trả thì chị C sẽ đòi thêm Bảo Q số tiền 15.000.000 đồng nữa, chị đòi mãi thì chị C mới đưa lại giấy Bảo Q ký cho chị.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy rằng lời trình bày của chị H là có căn cứ bởi vì chị C cho rằng chị H đã mượn tiền của chị 02 lần: 2.000.000 đồng và 13.000.000 đồng chị H đều ký có ký giấy mượn tiền như vậy việc chị nhờ Bảo Q ký giấy làm chứng chị H có nợ tiền là không nhằm mục đích để chứng minh chị H có nợ 15.000.000 đồng. Hơn nữa, vì sao nội dung giấy mà chị C nhờ Bảo Q ký không phải là nội dung làm chứng mà là nội dung Bảo Q “mượn tiền” của chị C, chị C không giải thích được. Ngoài ra, chị C còn xác định Bảo Q ký giấy đó là trước khi chị H ký giấy nợ 15.000.000 đồng, điều này phù hợp với lời trình bày của chị H là khi chị từ chối ký giấy 15.000.000 đồng, chị C đưa ra giấy Bảo Q đã ký nên ép buộc chị ký.

Như vậy do chị C không chứng minh được chị H có mượn 13.000.000 đồng nên xác định giấy mượn tiền 15.000.000 đồng là vô hiệu do bị ép buộc nên bác yêu cầu của chị C về việc đòi chị H số tiền này. Chị H cho rằng đó là tiền chi phí do chị N làm thủ tục cho chị sang Trung Quốc kết hôn, nếu chị N có tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Do đó, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của chị C, buộc chị H trả cho chị C 2.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 166 của Bộ luật dân sự nên buộc chị H phải trả cho chị C 2.000.000 đồng.

[3] Án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc chị phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của chị C được chấp nhận và chị C phải chịu án phí đối với phần yêu cầu của chị C không được chấp nhận sung công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Điều 166 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị Huyền C: Buộc chị Huỳnh Thị Bích H phải trả cho chị C số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Trường hợp chậm thi hành số tiền trên thì phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí: Buộc chị Huỳnh Thị Bích H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước; Buộc chị Hà Thị Huyền C phải chịu 650.000 đồng (Sáu trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước. Số tiền này được khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị C đã nộp là 375.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0000953 ngày 24/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa để thi hành, chị C còn phải nộp tiếp 275.000 đồng (Hai trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Dương Thị Kim Thanh

